

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(V/v: Giải trình chênh lệch BCTC công ty Mẹ và  
BCTC hợp nhất Năm 2013 trước và sau kiểm toán )  
Số: 06/CV-TASADH-2014

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOAN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

( Đơn vị tính: Đồng)

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.614018 Fax: 0313.614016

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BCTC NĂM 2013		CHÊNH LỆCH	GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
<b>I/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ</b>				
<b>I. Chỉ tiêu Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:</b>				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Mã số: 06)	71,865,775,660	72,862,349,985	996,574,325	Chênh lệch do kế toán công ty Mẹ cho nhầm một số chỉ tiêu trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ và cộng khoản vay ngân hàng không hạch toán thông qua TK 111 , TK 112. vào tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm của báo cáo lưu chuyển tiền tệ. (Nợ 331 có 311).
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (Mã số: 07)	(66,454,460,141)	(66,860,781,294)	(406,321,153)	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (MS:27)	30,022,821,789	34,741,739,481	4,718,917,692	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được ( Mã số:33)	27,365,492,017	21,650,000,000	(5,715,492,017)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu ( Mã số: 36)	(15,761,501,025)	(15,355,179,872)	406,321,153	
<b>II/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>				
<b>I. Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
<b>I.1 Chỉ tiêu tài sản trong BCTC hợp nhất</b>				
Tiền ( Mã số 111)	11,878,646,806	11,878,587,333	(59,473)	Công ty con TASA Trading chưa điều chỉnh chênh lệch tỷ giá các khoản công nợ phải thu, phải trả bằng ngoại tệ cụ thể: Do đánh giá lại tỷ giá tiền USD thấp hơn quy định ngân hàng
Phải thu khách hàng ( mã số: 131)	22,249,149,697	22,250,255,687	1,105,990	Chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá với công nợ phải thu
Tài sản ngắn hạn khác ( Mã số: 158)	11,975,042,191	11,975,500,001	457,810	Chưa đánh giá lại chênh lệch tỷ giá khoản ký quỹ bằng USD
<b>I.2 Chỉ tiêu nguồn vốn trong BCTC hợp nhất</b>				
Phải trả người bán ( Mã số: 312)	4,393,321,707	4,395,219,687	1,897,980	Chưa đánh giá chênh lệch tỷ giá phải trả người bán bằng EUR
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước ( Mã số: 314)	4,749,262,014	4,749,163,600	(98,414)	Thuế TNDN giảm do điều chỉnh chênh lệch tỷ giá bị giảm lãi
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số: 420)	26,041,117,472	26,040,824,978	(292,494)	Do điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ công nợ nên phát sinh lỗ



CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU BCTC NĂM 2013		CHÊNH LỆCH	GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán		
Lợi ích của cổ đông thiểu số( Mã số: 439)	6,826,420,974	6,826,418,229	(2,746)	
<b>2. Chỉ tiêu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				
Doanh thu hoạt động tài chính ( Mã số: 21)	2,325,666,497	2,327,230,297	1,563,800	DTTC tăng do điều chỉnh tăng chênh lệch tỷ giá ký quỹ và công nợ phải thu bằng tiền USD của công ty con
Chi phí tài chính ( Mã số: 22)	6,929,254,333	6,931,211,786	1,957,453	Chi phí tài chính tăng do điều chỉnh tăng chênh lệch tỷ giá tiền EUR phải trả người bán và chênh lệch tiền gửi ngân hàng.
Chi phí thuế TNDN hiện hành ( Mã số: 51)	6,278,805,076	6,278,706,662	(98,414)	Giảm thuế TNDN do lỗi điều chỉnh tỷ giá.
Lợi nhuận sau thuế TNDN (Mã số: 60)	24,507,188,126	24,506,892,886	(295,240)	Do điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ công nợ nên phát sinh lỗ
<b>3. Chỉ tiêu Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác( MS: 01)	382,176,609,142	221,388,122,266	(160,788,486,876)	1. Chênh lệch do khi hợp nhất kế toán chưa loại trừ giao dịch thanh toán tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ, DT khác và tiền trả người cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ tập đoàn.  2. Kế toán công ty Mẹ và công ty con : công ty TNHH Đường bộ Duyên Hải , Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải cho nhằm một số chỉ tiêu trong báo cáo Lưu chuyển tiền tệ. 3. Kế toán đã cộng khoản tiền vay ngân hàng không hạch toán thông qua TK 111 , TK 112. vào tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm ( Nợ 331 có 311)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ ( MS:02)	(310,029,922,244)	(147,635,743,188)	162,394,179,056	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh ( Mã số:06)	174,646,421,750	174,132,121,624	(514,300,126)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (Mã số: 07)	(193,583,079,175)	(197,388,287,528)	(3,805,208,353)	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác ( Mã số:21)	(38,078,721,510)	(34,825,711,510)	3,253,010,000	
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác ( Mã số:22)	6,246,473,502	6,247,473,502	1,000,000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (MS: 27)	32,873,223,865	37,592,141,557	4,718,917,692	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được ( Mã số:33)	192,356,666,066	186,691,174,049	(5,665,492,017)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu ( Mã số: 36)	(15,761,501,025)	(15,355,179,872)	406,321,153	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( Mã số: 70)	11,878,646,806	11,878,587,333	(59,473)	

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- Lưu

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Bùi Chí Hùng*  
CHỦ TỊCH HĐQT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
Số 03, ngõ 1295, đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
Tel: (84 4) 9745081/82 Fax: (84 4) 9745083  
Hà nội, tháng 02 năm 2014

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên	5 - 6
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 - 36

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty : Số 189 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng  
Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng  
Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP- VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 1 ngày 24/02/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 10/03/2011. Theo đó, ngày 27/02/2012 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ

**Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;  
Các thành viên của Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Đình Chung	Nguyên CT HĐQT	23/03/2013	20/06/2013
2	Ông Bùi Chí Hùng	Chủ tịch HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
3	Ông Lê Thái Cường	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
4	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
5	Bà Vũ Thị Phú	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
6	Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018
7	Bà Đào Kim Phương	Thành viên HĐQT	23/03/2013	30/03/2018

**Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính này gồm;**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Bùi Chí Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Thái Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phan Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Tuấn Điệp	Phó Tổng Giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
3	Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Bùi Chí Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 của Công ty.

**Các sự kiện trong năm tài chính**

Bổ nhiệm ông Bùi Chí Hùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Lê Văn Thanh giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 20 tháng 06 năm 2013 thay ông Nguyễn Đình Chung do ông Nguyễn Đình Chung xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

Bổ nhiệm tạm thời Ông Bùi Chí Hùng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 10 tháng 09 năm 2013 thay ông Lê Văn Thanh do ông Lê Văn Thanh xin từ nhiệm vì lý do sức khỏe.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

(Ký tên, đóng dấu)



**BÙI CHÍ HÙNG**



Số: 09 /BCKT-CPAHANOI

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013  
của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

**Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải, được lập ngày 20/02/2014, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo này được lập thành 08 bản bằng Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 07 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội**

**Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Ngọc Tĩnh**

Giấy CNDKHN số 0132/2013-016-1

**Bùi Quang Hợp**

Giấy CNDKHN số 1796/2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<i>Đơn vị tính: đồng</i>				
Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>69.664.831.280</b>	<b>69.460.931.553</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.878.587.333</b>	<b>9.064.540.781</b>
1. Tiền	111	V.01	11.878.587.333	9.064.540.781
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.877.823.885</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.877.823.885	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	V.02	<b>28.766.148.284</b>	<b>33.094.982.690</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.02a	22.250.255.687	26.410.293.160
2. Trả trước cho người bán	132		540.000.000	1.713.486.766
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	138	V.02b	6.363.127.688	5.358.437.855
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.02c	(387.235.091)	(387.235.091)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.944.479.130</b>	<b>18.899.323.239</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03a	13.661.859.130	18.899.323.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.03b	(717.380.000)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.197.792.648</b>	<b>8.402.084.843</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		842.451.545	931.231.761
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152	V.04	1.285.988.870	1.361.658.389
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		93.852.232	56.347.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.975.500.001	6.052.846.922
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>174.160.488.438</b>	<b>172.264.954.926</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>144.993.081.260</b>	<b>137.756.590.242</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	134.097.452.692	122.426.163.809
- Nguyên giá	222		200.630.537.726	179.567.304.555
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(66.533.085.034)	(57.141.140.746)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06	1.178.111.460	1.352.646.492
- Nguyên giá	225		1.396.280.250	1.396.280.250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(218.168.790)	(43.633.758)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	8.854.947.445	9.295.078.741
- Nguyên giá	228		12.387.601.422	12.452.566.422
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.532.653.977)	(3.157.487.681)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	862.569.663	4.682.701.200
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.375.282.072</b>	<b>3.841.979.556</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.166.517.562	3.758.966.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		208.764.510	83.012.743
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.10	<b>25.792.125.106</b>	<b>30.666.385.128</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>243.825.319.718</b>	<b>241.725.886.479</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>73.042.490.037</b>	<b>77.808.659.132</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.864.181.633</b>	<b>65.227.784.025</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	45.021.331.170	43.312.060.826
2. Phải trả người bán	312	V.12	4.395.219.687	10.133.406.595
3. Người mua trả tiền trước	313		193.524.567	1.833.932.670
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	4.749.163.600	3.010.401.632
5. Phải trả người lao động	315		1.608.457.156	1.599.145.064
6. Chi phí phải trả	316	V.14	181.448.961	1.704.322.525
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	4.672.314.425	3.015.658.132
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		42.722.067	618.856.581
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.178.308.404</b>	<b>12.580.875.107</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.794.921.582	1.794.234.782
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	9.383.386.822	10.786.640.325
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>163.956.411.452</b>	<b>157.137.062.825</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>163.956.411.452</b>	<b>157.137.062.825</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.700.000.000	128.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.130.359.500	9.615.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.524.789.900)	(2.224.776.400)
4. Quỹ dự phòng tài chính	417		2.610.016.874	2.474.329.995
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.040.824.978	18.572.149.730
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>6.826.418.229</b>	<b>6.780.164.522</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>243.825.319.718</b>	<b>241.725.886.479</b>

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Bùi Chí Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Năm 2013

*Đơn vị tính: đồng*

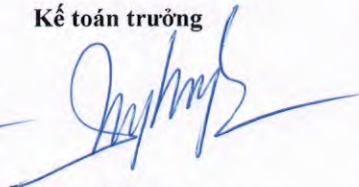
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	185.819.272.202	152.387.613.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.19	-	57.285.804
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.20</b>	<b>185.819.272.202</b>	<b>152.330.327.318</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	139.264.600.786	107.356.904.616
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>46.554.671.416</b>	<b>44.973.422.702</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	2.327.230.297	287.098.866
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	6.931.211.786	9.012.182.368
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.851.582.983	9.010.824.817
8. Chi phí bán hàng	24		100.866.940	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.397.073.961	13.820.081.387
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>28.452.749.026</b>	<b>22.428.257.813</b>
11. Thu nhập khác	31		9.520.503.493	3.982.357.159
12. Chi phí khác	32		7.396.417.480	3.869.888.215
13. Lợi nhuận khác	40		2.124.086.013	112.468.944
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>30.576.835.039</b>	<b>22.540.726.757</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	6.278.706.662	3.192.143.847
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		208.764.510	83.012.743
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>24.506.892.886</b>	<b>19.431.595.653</b>
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		293.965.530	395.452.698
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		24.212.927.356	19.036.142.955
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.26</b>	<b>1.921</b>	<b>1.517</b>

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Chí Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ			
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	221.388.122.266	358.328.864.838
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(147.635.743.188)	(280.065.082.827)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(19.809.131.829)	(20.324.156.597)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.979.963.722)	(8.581.389.995)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.449.379.920)	(2.572.461.021)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	174.132.121.624	230.464.895.421
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(197.388.287.528)	(250.556.178.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>18.257.737.703</b>	<b>26.694.491.793</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(34.825.711.510)	(20.143.537.254)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	6.247.473.502	10.516.372.978
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.592.141.557	20.637.320.233
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>9.013.903.549</b>	<b>11.010.155.957</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(428.013.500)	(982.776.400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	186.691.174.049	176.500.486.892
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(194.630.255.225)	(197.259.192.842)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(735.320.152)	(451.006.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.355.179.872)	(11.521.530.809)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(24.457.594.700)</b>	<b>(33.714.019.159)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>2.814.046.552</b>	<b>3.990.628.591</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>9.064.540.781</b>	<b>5.073.912.190</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>11.878.587.333</b>	<b>9.064.540.781</b>

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2013

### **I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 9, ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty : 128.700.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.**

#### **3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

**4. Công ty con hợp nhất Báo cáo tài chính và tỷ lệ sở hữu**

**• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục thông quan.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

**• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 11 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

**• Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 10 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Kinh doanh vận tải đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

**• Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 03 tháng 09 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh chính là Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

**• Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11 tháng 10 năm 2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm, các dịch vụ vận tải khác. Dịch vụ kho bãi.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0200667880 do Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 10 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Cho thuê kho bãi, nhà hàng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 75,83% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

• **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang và Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường Đinh Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, lẻ nước hoa, mỹ phẩm, nhà hàng.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/12/2013.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỷ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**

**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

**IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (Công ty mẹ) và các Công ty con tại ngày 31/12/2013.

Các Công ty được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

*Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:*



Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính****6.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp} \\ \hline \text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế} \end{array}$$

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **10. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

##### **11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**11.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**11.3. Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các

khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.**

#### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:***

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 là 25%.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### ***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

01. Tiền và các khoản tương đương tiền	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Tiền mặt</b>	<b>998.210.602</b>	<b>1.714.931.593</b>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	715.221.852	1.313.963.501
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	61.267.998	43.198.762
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	23.454.753	4.966.992
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	5.300.217	10.552.991
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	98.134.593	26.773.766
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	15.152.483	64.837.002
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	78.653.520	146.001.846
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.025.186	104.636.733
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>10.880.376.731</b>	<b>7.349.609.188</b>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	7.822.079.532	3.600.205.655
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	101.589.452	53.920.638
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.066.965.679	651.629.167
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	246.025.796	1.298.931.629
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	181.321.716	1.231.492.969
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	23.411.899	101.632.725
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	3.049.821	25.517.643
Công ty TNHH Container Minh Thành	435.932.836	386.278.762
<b>Cộng:</b>	<b>11.878.587.333</b>	<b>9.064.540.781</b>
<b>02 Các khoản phải thu</b>		
<b>02a Phải thu khách hàng</b>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	1.975.128.079	1.513.302.682
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	542.573.413	4.734.444.625
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	14.295.881.490	12.865.436.649
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.046.094.807	2.458.330.233
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.155.478.759	3.331.895.876
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	574.260.715	623.881.129
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	136.402.612	156.295.354
Công ty TNHH Container Minh Thành	524.435.812	726.706.612
<b>Cộng:</b>	<b>22.250.255.687</b>	<b>26.410.293.160</b>
<b>02b Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải thu khác</b>		

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	93.286.141	206.237.435
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	82.923.022	413.333.805
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.070.430.803	2.459.000.308
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.498.262.793	807.891.863
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.880.000	609.387.000
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	230.089.332	278.778.519
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	446.360.345
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.385.255.597	137.448.580
<b>Cộng:</b>	<b>6.363.127.688</b>	<b>5.358.437.855</b>
<b>02c Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	(387.235.091)	(387.235.091)
<b>Cộng:</b>	<b>(387.235.091)</b>	<b>(387.235.091)</b>
<b>03a. Hàng tồn kho</b>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>2.740.004.720</b>	<b>3.385.875.534</b>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	2.279.882.000	3.282.446.072
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	19.081.468	29.954.360
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	441.041.252	73.475.102
<b>Công cụ, dụng cụ</b>	<b>35.504.547</b>	<b>35.504.547</b>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	35.504.547	35.504.547
<b>Chi phí SXKD dở dang</b>	<b>71.064.199</b>	<b>408.476.181</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	71.064.199	408.476.181
<b>Hàng hoá</b>	<b>10.815.285.664</b>	<b>15.069.466.977</b>
Cty cổ phần vận tải đa phương thức Duyên Hải	5.473.524.606	7.410.634.953
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	497.777.777
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	136.173.282	2.755.681.139
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	437.218.352	999.871.909
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.876.382.572	2.436.122.975
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	692.473.251	769.864.623
Công ty TNHH Container Minh Thành	199.513.601	199.513.601
<b>Cộng:</b>	<b>13.661.859.130</b>	<b>18.899.323.239</b>
<b>03b. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty CP Vận tải đa phương thức Duyên Hải	(637.380.000)	-
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	(80.000.000)	-
<b>Cộng:</b>	<b>(717.380.000)</b>	<b>-</b>
<b>04. Thuế GTGT còn được khấu trừ</b>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<i>Thuế GTGT còn được khấu trừ</i>	<b>1.285.988.870</b>	<b>1.361.658.389</b>
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	18.100.727	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	510.115.692	60.252.508
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	757.772.451	1.152.325.418
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	149.080.463
<b>Cộng:</b>	<b>1.285.988.870</b>	<b>1.361.658.389</b>

**05. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>I. Nguyên giá tài sản cố định</b>	<b>200.630.537.726</b>	<b>179.567.304.555</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	102.387.690.847	89.428.220.930
Máy móc thiết bị	29.271.016.646	32.569.350.265
Phương tiện vận tải	67.233.889.073	56.023.671.741
Tài sản cố định khác	1.737.941.160	1.546.061.619
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	<b>66.533.085.034</b>	<b>57.141.140.746</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	25.555.960.626	20.033.518.303
Máy móc thiết bị	16.387.263.308	16.533.268.862
Phương tiện vận tải	23.676.847.053	19.690.027.403
Tài sản cố định khác	913.014.047	884.326.178
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>134.097.452.692</b>	<b>122.426.163.809</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	76.831.730.221	69.394.702.627
Máy móc thiết bị	12.883.753.338	16.036.081.403
Phương tiện vận tải	43.557.042.020	36.333.644.338
Tài sản cố định khác	824.927.113	661.735.441

**06. Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>I. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>1.396.280.250</b>	<b>1.396.280.250</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.396.280.250	1.396.280.250
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	<b>218.168.790</b>	<b>43.633.758</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	218.168.790	43.633.758
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>1.178.111.460</b>	<b>1.352.646.492</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.178.111.460	1.352.646.492

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>I. Nguyên giá tài sản cố định vô hình</b>	<b>12.387.601.422</b>	<b>12.452.566.422</b>
Quyền sử dụng đất	12.387.601.422	10.593.997.991
Tài sản cố định vô hình khác	-	1.858.568.431

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>	<b>3.532.653.977</b>	<b>3.157.487.681</b>
Quyền sử dụng đất	3.532.653.977	2.023.903.000
Tài sản cố định vô hình khác		1.133.584.681
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>8.854.947.445</b>	<b>9.295.078.741</b>
Quyền sử dụng đất	8.854.947.445	8.570.094.991
Tài sản cố định vô hình khác	-	724.983.750
<b>08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	674.935.504
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	862.569.663	995.578.960
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	455.681.648
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	2.556.505.088
<b>Cộng:</b>	<b>862.569.663</b>	<b>4.682.701.200</b>
<b>09. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Chi phí công cụ dụng cụ</b>		
Cty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	505.221.050	42.609.613
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	259.784.569	12.254.173
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	564.449.215	596.710.997
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	892.343.637	1.391.886.748
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	499.684.418	236.109.518
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	30.808.930	306.703.981
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	138.153.591	260.692.370
Công ty TNHH Container Minh Thành	276.072.152	911.999.413
<b>Cộng:</b>	<b>3.166.517.562</b>	<b>3.758.966.813</b>
<b>10. Lợi thế thương mại</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Lợi thế thương mại</b>	<b>25.792.125.106</b>	<b>30.666.385.128</b>
<b>Cộng:</b>	<b>25.792.125.106</b>	<b>30.666.385.128</b>
<b>11. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (1*)	3.051.737.376	939.163.418
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (2*)	9.462.692.174	6.903.382.131

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (3*)	12.701.247.019	11.111.229.807
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (4*)	9.953.761.676	8.174.097.866
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (5*)	7.981.892.925	6.551.032.362
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	4.971.161.939
Công ty TNHH Container Minh Thành (6*)	1.870.000.000	4.661.993.303
<b>Cộng:</b>	<b>45.021.331.170</b>	<b>43.312.060.826</b>

(1\*). Khoản vay số tiền là 2.051.737.376 đồng là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Đông Hải Phòng theo hợp đồng số: 2285181.001/2012/HĐTD ngày 26/12/2012, lãi suất vay tùy thời điểm. Thế chấp là 10 xe ô tô đầu kéo, rơ moóc nhãn hiệu Hải Âu Trung Quốc và 01 xe cần trục bánh lốp TADANO và 01 cần trục bánh lốp KATO.

Khoản vay : 1.000.000.000 đồng của Đặng Hồng Quân theo hợp đồng ngày 05 tháng 02 năm 2013. Vay bằng tín chấp.

(2\*). Khoản vay số tiền là 7.827.731.821 đồng của Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 1171159.001/2012/HĐTD ngày 25/09/2012 với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay được đảm bảo bằng 22 Xe ô tô đầu kéo, 12 xe rơ moóc chuyên dùng, quyền sử dụng đất của căn nhà số 219 Lạch Tray, Ngô Quyền, Lê Chân, Hải Phòng, 01 xe 04 chỗ Mercedes.

Khoản vay số tiền là 1.634.960.353 đồng Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP công thương Việt nam chi nhánh Ngô Quyền theo HĐ số: 02/2013-HĐTDHM/NHCT168-ĐBHD ký ngày 16/09/2013 lãi suất theo thời điểm. Thế chấp quyền sử dụng đất căn nhà N3A khu đô thị Trung Hòa Nhân chính Hà Nội.

(3\*) Khoản vay số tiền 12.701.247.019 đồng của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 1716296.003/2013/HĐTD ngày 02/08/2013 với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ nhà xưởng, hệ thống kho bãi, văn phòng, các công trình kiến trúc trên diện tích 9.024 m2 tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, 01 xe ACURA 07 chỗ, 02 xe nâng 45 tấn Thụy điển sản xuất tại Trung Quốc.

(4\*) Khoản vay số tiền 9.953.761.676 đồng của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTDHM ngày 31/03/2013 với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ vật kiến trúc được Công ty xây dựng trên diện tích đất 19.990 m2 tại Km 104 + 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

(5\*) Khoản vay số tiền 7.981.892.925 đồng của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐ ngày 21/06/2013 với lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ nhà cửa, kho, sân bãi container trên diện tích đất thuê của Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ và 01 cầu giàn, 01 xe nâng, 01 cần trục 36 tấn, xe đầu kéo 19N 3126, 19N 3120.

(6\*) Khoản vay của Công ty TNHH Container Minh Thành vay của các cá nhân bên ngoài, lãi suất 11%/năm, tín chấp.

**12. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải	70.837.234	90.540.373
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	478.618.519	205.516.207

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	61.600.021	76.127.597
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2.545.901.853	3.548.487.677
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.238.262.060	5.880.094.321
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	-	63.633
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	332.576.787
<b>Cộng:</b>	<b>4.395.219.687</b>	<b>10.133.406.595</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>- Thuế GTGT</b>	<b>790.585.879</b>	<b>1.067.542.242</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	223.342.308	216.299.700
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	228.729.449	349.792.445
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	164.604.243	304.861.552
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải		148.783.570
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	31.692.456	8.694.038
Công ty TNHH Container Minh Thành	142.217.423	
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải		39.110.937
<b>- Thuế đất</b>	<b>1.066.639.468</b>	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.066.639.468	
<b>- Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.857.076.418</b>	<b>1.933.897.442</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	21.652.097	240.613.242
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	578.719.290	430.818.282
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	506.431.640	267.674.825
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.489.630.661	778.575.179
Công ty CP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	260.642.730	127.018.781
Công ty TNHH Container Minh Thành		80.162.216
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải		9.034.917
<b>- Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>34.861.835</b>	<b>8.961.948</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	13.001.398	1.209.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	228.164	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.225.563	4.227.146
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	3.078.000	360.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	12.043.272	776.627
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	5.285.438	2.389.175
<b>Cộng:</b>	<b>4.749.163.600</b>	<b>3.010.401.632</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
--	--------------------	-------------------

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	6.375.455
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	131.140.629	494.469.137
Công ty TNHH Container Minh Thành	29.974.999	15.583.333
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	-	1.187.894.600
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	20.333.333	
<b>Cộng:</b>	<b>181.448.961</b>	<b>1.704.322.525</b>
<b>15. Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>4.672.314.425</b>	<b>3.015.658.132</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	366.115.486	10.564.375
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	392.545.361	303.646.496
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	269.805.061	60.047.213
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	477.568.420	2.180.000
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	1.318.748.457	889.167.576
Công ty TNHH Thời trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	2.459.520	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.845.072.120	1.750.052.472
<b>Cộng:</b>	<b>4.672.314.425</b>	<b>3.015.658.132</b>
<b>16. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>8.648.066.669</b>	<b>9.316.000.020</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	-	-
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Đông HP(1*)	-	1.136.000.000
CTy TNHH MTVVTĐa phương thức Duyên Hải Hà Nội	-	-
Ngân hàng NN&PTNT CN Tây Hà Nội (2*)	2.291.666.669	4.125.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-	-
Ngân hàng TMCP CT Việt Nam CN Hùng Vương (3*)	490.000.000	770.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
Ngân hàng công thương Ngô Quyền (4*)	5.866.400.000	1.560.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đông HP(5*)	-	1.725.000.020
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>735.320.153</b>	<b>1.470.640.305</b>
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	-	-
Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (6*)	735.320.153	1.470.640.305
<b>Cộng:</b>	<b>9.383.386.822</b>	<b>10.786.640.325</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(2\*) Khoản vay của Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội là khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 1480-LAV-201200 ngày 08/03/2012 được thế chấp bằng 20 Xe đầu kéo, rơ moóc hiệu Faw Trung Quốc. Lãi suất điều chỉnh theo quý. Thời hạn vay 36 tháng.

(3\*) Khoản vay của Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Hùng Vương theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 10.31.001/HĐTD-DAĐT ngày 15/07/2010 được đảm bảo bằng 01 xe cầu 25 tấn bánh lốp nhãn hiệu sản xuất tại Trung Quốc. Lãi suất điều chỉnh theo quý.

(4\*) Khoản vay: 1.170.000.000 đồng công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTC/2012 ngày 08/10/2012. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất theo từng thời điểm vay (12%/năm) , tài sản thế chấp cho khoản vay này là 05 đầu kéo Faw sản xuất tại Trung Quốc.

Khoản vay : 4.696.400.000 đồng Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng số: 01/PTVT-ĐB/2013 ký ngày 31/07/2013 thế chấp 13 đầu kéo, 12 rơ moóc FAW. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất theo từng thời điểm vay ( 12%/năm)

(6\*) Khoản vay của Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải thuê vay tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam theo hợp đồng tín dụng số 14.12.08/CTTC ngày 01/10/2012. Thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 14.3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này là 02 đầu kéo và 02 sơ mi rơ moóc sản xuất tại Trung quốc.

**17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu (Phụ lục 01)**

**b. Chi tiết nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn điều lệ đã góp)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Cổ đông sáng lập	78.938.100.000	80.585.480.000
Vốn góp của cổ đông khác	8.206.170.000	5.218.600.000
Vốn góp của Cổ đông ngoài	41.555.730.000	42.895.920.000
<b>Cộng:</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>128.700.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	128.700.000.000	128.700.000.000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia trong đó:	15.719.452.698	11.785.416.823
- Cổ đông của công ty mẹ	15.324.000.000	11.537.705.000
- Cổ đông thiểu số	395.452.698	247.711.823

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>d, Cổ tức</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	12%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-
<b>đ, Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>12.870.000</b>	<b>12.870.000</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>12.620.000</b>	<b>12.770.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.770.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	<b>250.000</b>	<b>100.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	250.000	100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>12.620.000</b>	<b>12.770.000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	12.620.000	12.770.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

	Đơn vị tính: Đồng	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Doanh thu thương mại, dịch vụ</b>	<b>185.819.272.202</b>	<b>152.387.613.122</b>
Trong đó:		
Doanh thu vận tải	80.754.578.687	56.791.243.528
Doanh thu kho CFS	17.399.133.733	15.403.341.104
Doanh thu bãi	30.290.473.496	31.969.829.315
Doanh thu xuất tàu Shipline	1.294.194.585	3.324.611.689
Doanh thu thương mại, dịch vụ	56.080.891.701	44.898.587.486
<b>Cộng:</b>	<b>185.819.272.202</b>	<b>152.387.613.122</b>
<b>19. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuế xuất khẩu	-	57.285.804
<b>Cộng:</b>	<b>-</b>	<b>57.285.804</b>
<b>20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>185.819.272.202</b>	<b>152.330.327.318</b>
Trong đó:		

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Doanh thu vận tải	80.754.578.687	56.791.243.528
Doanh thu kho CFS	17.399.133.733	15.403.341.104
Doanh thu bãi	30.290.473.496	31.969.829.315
Doanh thu xuất tàu Shiptside	1.294.194.585	3.324.611.689
Doanh thu thương mại, dịch vụ	56.080.891.701	44.841.301.682
<b>Cộng:</b>	<b>185.819.272.202</b>	<b>152.330.327.318</b>
<b>21. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ</b>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn vận tải	61.564.154.181	32.970.004.356
Giá vốn kho CFS	10.978.815.658	9.372.846.519
Giá vốn bãi	21.581.915.550	21.587.096.080
Giá vốn xuất tàu Shiptside	1.143.665.902	1.673.223.957
Giá vốn thương mại, dịch vụ	43.996.049.495	41.753.733.704
<b>Cộng:</b>	<b>139.264.600.786</b>	<b>107.356.904.616</b>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	80.894.867	287.098.866
Chênh lệch tỷ giá	23.121.534	-
Doanh thu HĐTC khác	2.223.213.896	-
<b>Cộng:</b>	<b>2.327.230.297</b>	<b>287.098.866</b>
<b>23. Chi phí hoạt động tài chính</b>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	6.851.582.983	9.010.824.817
Chênh lệch tỷ giá	79.628.803	1.357.551
<b>Cộng:</b>	<b>6.931.211.786</b>	<b>9.012.182.368</b>
<b>24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.278.706.662	3.192.143.847
<b>Cộng:</b>	<b>6.278.706.662</b>	<b>3.192.143.847</b>
<b>25. Chi phí sản xuất theo yếu tố</b>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.511.305.436	29.871.490.653
Chi phí nhân công	15.457.457.316	15.835.458.885
Chi phí Khấu hao TSCĐ	16.412.124.336	14.201.040.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.485.840.925	46.013.323.189
Chi phí bằng tiền khác	1.397.872.773	1.435.591.470

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>139.264.600.786</b>	<b>107.356.904.616</b>
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ. <b>Công ty đã sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	24.506.892.886	19.431.595.653
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Các khoản điều chỉnh tăng		-
Các khoản điều chỉnh giảm		-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.506.892.886	19.431.595.653
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.755.329	12.811.096
<b>+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1921</b>	<b>1517</b>

**27. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chủ yếu theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được phân bổ chủ yếu ở 3 khu vực: Hải Phòng, Phú Thọ và Hà Nội. Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

**Xem chi tiết tại Phụ lục 02**

***Lĩnh vực kinh doanh***

- Lĩnh vực 01: Kinh doanh dịch vụ
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh thương mại

Chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Xem chi tiết tại Phụ lục 03**

**27. Quản trị rủi ro tài chính.**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

### **Phải thu khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

### **Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Tài sản đảm bảo (Xem tại Mục 11 và 16, phần Thuyết minh).**

**28. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)**

*Đơn vị tính: đồng*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tập đoàn chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.878.587.333	11.878.587.333
Phải thu khách hàng	22.250.255.687	21.863.020.596
Phải thu khác	6.363.127.688	6.363.127.688
<b>Cộng</b>	<b>40.491.970.708</b>	<b>40.104.735.617</b>
	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	45.021.331.170	45.021.331.170
Phải trả người bán	4.395.219.687	4.395.219.687
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.672.314.425	4.672.314.425
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả dài hạn khác	2.794.921.582	2.794.921.582
Vay và nợ dài hạn	9.383.386.822	9.383.386.822
<b>Cộng</b>	<b>66.267.173.686</b>	<b>66.267.173.686</b>
<b>29. Một số chỉ tiêu cơ bản</b>	<b>Tại thời điểm</b>	<b>Tại thời điểm</b>
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>a. Bố trí cơ cấu tài sản:</b>		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	71%	71%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	29%	29%
<b>b. Tỷ suất sinh lợi:</b>		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	13%	13%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	15%	12%
<b>c. Tình hình tài chính:</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	30%	32%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	6%	4%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/Tổng vốn chủ sở hữu)	88%	88%
<b>30. Nghiệp vụ với các bên liên quan</b>		<b>Đơn vị tính: đồng</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

**Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:**

<b>T</b>	<b>Tên tổ chức/ Cá nhân</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải đa PT Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm nay</b>
<b>- Giá vốn</b>		
		<b>13.166.926.789</b>
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ
<b>- Doanh thu</b>		
		<b>6.237.183.489</b>
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ
4	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ
5	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ
6	Cty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Doanh thu dịch vụ
<b>- Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>		
		<b>25.031.426.306</b>
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Lợi nhuận
3	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận
4	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Lợi nhuận
5	Công ty TNHH Container Minh Thành	Lợi nhuận
6	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận
<b>- Các khoản phải thu</b>		
		<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu
2	Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu
3	Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	Công nợ phải thu
4	Công ty TNHH TT mỹ phẩm Duyên Hải	Công nợ phải thu

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>		<b>663.926.992</b>	
<b>- Các khoản phải thu khác</b>		<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	128.560.372
2	Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	785.414.097
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	2.170.096.660
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	309.545.441
5	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải thu	385.265.715
<b>Cộng</b>		<b>3.778.882.285</b>	
<b>- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	
1	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	7.000.000.000
2	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	7.559.500.000
3	Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	1.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>16.059.500.000</b>	
<b>- Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	
1	Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	15.000.000.000
2	CTy TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Vay vốn kinh doanh	10.600.000.000
<b>Cộng</b>		<b>25.600.000.000</b>	
<b>- Phải trả người bán</b>		<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	
1	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	42.064.000
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	647.344.634
3	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	794.545.106
<b>Cộng</b>		<b>1.483.953.740</b>	
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Tiền vay	13.900.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.900.000.000</b>	
<b>- Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>		<b>Năm nay</b>	
Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		735.323.280	

**VII. Thông tin khác**

**1. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Thông tin về tính hoạt động liên tục**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

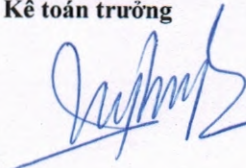
Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập



Hoàng Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bùi Chí Hùng

**Phụ lục số 01:**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>		<b>2.742.386.157</b>	<b>9.934.145.195</b>	<b>150.991.890.852</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	640.938.932		640.938.932
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.431.595.653	19.431.595.653
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	2.224.776.400	908.995.094	10.793.591.117	13.927.362.611
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>(2.224.776.400)</b>	<b>2.474.329.995</b>	<b>18.572.149.730</b>	<b>157.137.062.825</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.615.359.500</b>	<b>(2.224.776.400)</b>	<b>2.474.329.995</b>	<b>18.572.149.730</b>	<b>157.137.062.825</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ (Cổ đông của Công ty mẹ)	-	-	-	-	24.212.927.356	24.212.927.356
Tăng khác	-	-	1.242.000.000	135.686.879	-	1.377.686.879
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	485.000.000	1.542.013.500	-	16.744.252.108	18.771.265.608
						-
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>128.700.000.000</b>	<b>9.130.359.500</b>	<b>(2.524.789.900)</b>	<b>2.610.016.874</b>	<b>26.040.824.978</b>	<b>163.956.411.452</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**  
 Địa chỉ: Số 189, Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2013

**Phụ lục số 02:**

**Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý**

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Khu vực địa lý			Tổng cộng
		Hải Phòng	Phú Thọ	Hà Nội	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.593.279.766	80.159.929.681	2.066.062.755	185.819.272.202
2	Giá vốn thương mại và dịch vụ	130.689.713.382	6.745.613.028	1.829.274.376	139.264.600.786
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(27.096.433.616)	73.414.316.653	236.788.379	46.554.671.416
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.151.967.585	171.863.820	3.398.892	2.327.230.297
5	Chi phí tài chính	5.522.887.381	665.758.993	742.565.412	6.931.211.786
6	Chi phí bán hàng	100.866.940			100.866.940
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.367.481.537	1.543.856.078	485.736.346	13.397.073.961
8	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(41.935.701.889)</b>	<b>71.376.565.402</b>	<b>(988.114.487)</b>	<b>28.452.749.026</b>
9	Thu nhập khác	3.144.558.946	6.375.944.547	-	9.520.503.493
10	Chi phí khác	3.093.638.034	4.302.779.446		7.396.417.480
11	Lợi nhuận khác	50.920.912	2.073.165.101	-	2.124.086.013
12	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(41.884.780.977)</b>	<b>73.449.730.503</b>	<b>(988.114.487)</b>	<b>30.576.835.039</b>
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.714.920.403	1.563.786.260		6.278.706.662
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	208.764.510			208.764.510

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI  
Địa chỉ: Số 189, Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2013

**Phụ lục số 03:**

**Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Lĩnh vực		Tổng cộng
		Kinh doanh thương mại	Kinh doanh dịch vụ	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.080.891.701	129.738.380.501	185.819.272.202
2	Giá vốn thương mại và dịch vụ	43.996.049.495	95.268.551.291	139.264.600.786
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.084.842.206	34.469.829.210	46.554.671.416
4	<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			
	Doanh thu hoạt động tài chính			2.327.230.297
	Chi phí tài chính			6.931.211.786
	Chi phí bán hàng			100.866.940
	Chi phí quản lý doanh nghiệp			13.397.073.961
	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>28.452.749.026</b>
	Thu nhập khác			9.520.503.493
	Chi phí khác			7.396.417.480
	Lợi nhuận khác			2.124.086.013
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			<b>30.576.835.039</b>
	Chi phí thuế TNDN hiện hành			6.278.706.662
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			208.764.510